

**BỔ SUNG CHI *GYROCHEILOS* W. T. Wang (HỌ TAI VOI - GESNERIACEAE)
CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

VŨ XUÂN PHƯƠNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Chi *Gyrocheilos* (Tai voi tròn) được W. T. Wang phát hiện và công bố năm 1981 với 3 loài và 1 thứ mới là *Gyrocheilos chorisepalus*, *G. microtrichus*, *G. retrotrichus* và *G. retrotrichus* var. *oligolobus*; mẫu vật của các loài trên thu được ở các tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây, Trung Quốc. Năm 1982, W. T. Wang công bố tiếp 1 loài và 1 thứ mới của chi *Gyrocheilos* là *G. lasiocalyx* và *G. chorisepalus* var. *synsepalus*, đưa tổng số loài của chi này ở Trung Quốc lên 4 loài và 2 thứ. Chi *Gyrocheilos* được tác giả ghi nhận là đặc hữu của Trung Quốc. Gần đây, có dịp nghiên cứu các tư liệu và các mẫu vật của họ Gesneriaceae ở Việt Nam để phục vụ cho công tác biên soạn Thực vật chí Việt Nam về họ này, chúng tôi đã phát hiện ra chi *Gyrocheilos* W. T. Wang không chỉ phân bố ở Trung Quốc mà còn gặp cả ở Việt Nam với loài *Gyrocheilos chorisepalus* W. T. Wang. Mẫu vật của loài này thu được tại các khu vực núi Tam Đảo thuộc địa phận 2 tỉnh giáp giới là Vĩnh Phúc và Thái Nguyên. Đây là một chi mới bổ sung cho họ Gesneriaceae ở Việt Nam.

Để có công bố này, chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại các taxon. Mẫu vật của Việt Nam đã được so sánh với các mẫu vật chuẩn của Trung Quốc. Dưới đây là các đặc điểm của chi và loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

**GYROCHEILOS W. T. Wang -
TAI VOI TRÒN**

W. T. Wang, 1981. Bull. Bot. Res., Harbin,

1(3): 28; id. 1990. Fl. Reip. Pop. Sin. 69: 451; W. T. Wang & al. 1998. Fl. China, 18: 359; L. K. Fu & T. Hong, 2004. High. Pl. China, 10: 300.

Cỏ sống nhiều năm, gần như không thân, mọc ở trên đất hay bám trên đá. Lá tập trung ở gốc. Phiến lá gần tròn, hình trứng rộng hay hình thận; chóp tròn hay tù, gốc hình tim, hai mặt có lông. Cụm hoa xim ở nách lá, mang 5-nhiều hoa. Lá bắc 2, mọc đối. Đài đều hay hơi đối xứng 2 bên; 5 thùy bằng nhau hay gần bằng nhau, xẻ sâu đến đáy hay hơi dính thành ống ở đáy. Tràng màu đỏ tía hay hơi đo đỏ; đối xứng 2 bên; ống tràng hình trụ, không phồng lên; 4 thùy tạo thành 2 môi: môi trên hoàn toàn nguyên, dài bằng 1/2 môi dưới; môi dưới 3 thùy gần bằng nhau, đỉnh tròn. Nhị hữu thụ 2, chụm lại ở bao phấn, chỉ nhị dính ở phần giữa phía dưới ống tràng, nhị thụ trong tràng; bao phấn 2 ô dính lưng; nhị bất thụ 2, dính gần giữa ống tràng. Triền tuyến mật dạng nhẫn. Bầu hình đường 1 ô; giá noãn 2, hơi nhô ra hướng vào trong; núm nhụy hình đầu. Quả nang, thẳng so với cuống, hình đường, hơn đài nhiều, mở bằng 2 van theo chiều dọc, không xoắn vặn. Hạt hình bầu dục hay hình trứng, không có phần phụ.

Typus: *G. chorisepalus* W. T. Wang.

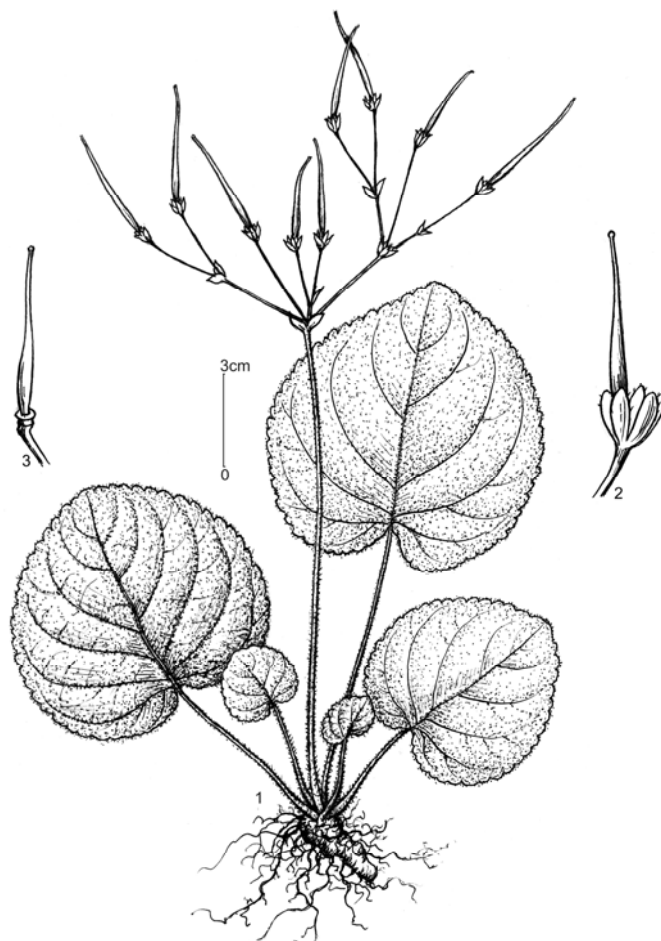
Trung Quốc có 4 loài, 2 thứ. Việt Nam gặp 1 loài.

* Chi *Gyrocheilos* gần với chi *Didymocarpus* bởi đặc điểm nhị hữu thụ 2 chụm lại, núm nhụy nguyên nhưng khác bởi môi trên của tràng nguyên còn ở *Didymocarpus* môi trên của tràng phân 2 thùy.

***Gyrocheilos chorisepalus* W.T. Wang -
Tai voi dài tròn**

W. T. Wang, 1981. Bull. Bot. Res., Harbin

1(3): 31. Pl. 2. fig. 1-5; Pl. 4, fig. 2; id. 1990. Fl. Reip. Pop. Sin. 69: 452, Pl. 125, fig. 1-4; W. T. Wang & al. 1998. Fl. China, 18: 359; L. K. Fu & T. Hong, 2004. High. Pl. China, 10: 300.



***Gyrocheilos chorisepalus* W. T. Wang**

1. cây mang quả; 2. đài và nhụy; 3. quả
(hình vẽ theo mẫu VH 5050, HN)

Cỏ sống nhiều năm, gần như không thân, sống trên đất hay bám trên đá. Lá tập trung ở gốc. Phiến lá gần tròn hay hình trứng rộng, cỡ 3-9,0 × 4,5-10 cm; chóp tròn hay tù; gốc hình tim, mép lá xẻ răng cưa kép hay có khía sâu, mặt trên của phiến lấm lộn giữa 2 loại lông như tóc có độ dài 0,2-0,3 mm và 0,8-1,2 mm, mặt dưới có lông rải rác, gân bên 5-7 đôi, cuống lá dài 3-8 cm, có lông dài 0,7-1 mm mọc ngược. Cụm hoa dạng xim ở nách lá, mang 5-nhiều hoa, cuống cụm hoa dài 7-23 cm, có lông mềm mọc ngược, lông dài 0,5-1,2 mm. Lá bắc hình trứng,

trứng rộng, cỡ 4-6 × 3-4 mm, mép nguyên, gần như nhẵn. Hoa có cuống dài 5-15 mm, gần như nhẵn. Đài dài 3-4 mm; 5 thùy xẻ sâu đến đáy hay hơi dính thành ống ngắn 1-2 mm; thùy đài hình trứng ngược, thuôn hay hình tam giác, hình đường rộng 1-3 mm, đỉnh tròn, nhẵn hay có lông rải rác ở phía ngoài gần đỉnh. Tràng màu đỏ, dài 10-12 mm, nhẵn, ống tràng dài 6 mm; 4 thùy tạo thành 2 môi: môi trên dài 2,8 mm, nguyên, đỉnh gần tròn; môi dưới 3 thùy gần bằng nhau, dài 6 mm, đỉnh tròn. Nhị hữu thụ 2, chụm lại ở bao phấn, chỉ nhị dài 3 mm, dính

cách gốc ống tràng 2 mm, bao phấn dài 2,5 mm, đỉnh lưng; nhị bất thụ 2, dài 0,8-0,9 mm, đỉnh cách ống tràng 2,5 mm. Triền tuyến mật dạng nhẵn. Bầu nhẵn, dài 5 mm; vòi nhụy dài 5-6 mm; núm nhụy nguyên, hình đầu. Quả nang, dài 20-30 mm, nhẵn, khi chín mở bằng 2 van theo chiều dọc, không xoắn vặn. Hạt hình bầu dục-thuôn, dài 0,3-0,4 mm, không có phần phụ.

Loc. class.: China, Guangxi. **Typus:** sine coll., 381 (IBSC).

Sinh học và sinh thái: mùa hoa vào các tháng 4-5; quả chín vào các tháng 6-7. Thường gặp trong rừng núi đá, núi đất lẫn đá trên các vách núi, các hốc đá, ven bờ suối, nơi ẩm và mát, ở độ cao 600-900 m so với mặt biển.

Phân bố: trên đường đỉnh núi Tam Đảo thuộc 2 tỉnh Thái Nguyên (Đại Từ, núi Tam Đảo), Vĩnh Phúc (núi Tam Đảo). Còn có ở

Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây).

Mẫu nghiên cứu: Thái Nguyên, VH 5050 (HN). - Vĩnh Phúc, LX-VN 238, LX-VN 1362, LX-VN 1369 (HN); L. Q. Li 624 (HN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Fu L. K. & Hong T. (eds.)**, 2004: Higher plants of China, 10: 300. Qingdao Publishing House (tiếng Trung Quốc).
2. **Wang W. T.**, 1955: Bull. Bot. Res., Harbin, 1(3): 28-35.
3. **Wang W. T.**, 1990: Flora Reipublicae Popularis Sinicae, 69: 451-455. Science Press, Pekin. (tiếng Trung Quốc).
4. **Wang W. T. et al., in Z. Y. Wu & P. H. Raven (eds.)**, 1998: Flora of China, 18: 359-360. Beijing.

GYROCHEILOS W. T. WANG (GESNERIACEAE) A NEW GENUS FOR THE FLORA OF VIETNAM

VU XUAN PHUONG

SUMMARY

The genus *Gyrocheilos* W. T. Wang (Gesneriaceae) had 4 species and 2 varieties. It is recorded endemic to China. During the study of specimens and documents of Gesneriaceae of Vietnam, we have found one new occurrence species of *Gyrocheilos*: *G. chorisepalus* W. T. Wang for the flora of Vietnam. *Gyrocheilos* closed to *Didymocarpus* in stamens confluent at apex and stigma undivided but differ by adaxial lip undivided meanwhile in *Didymocarpus* adaxial lip 2 lobed.

G. chorisepalus W. T. Wang is perennial herb, nearly stemless. petiole 3-8 cm, spreading pubescent, margin double dentate to deeply crenate, peduncle nearly glabrous. Calyx 3-4 mm long, 5 segments equal to unequal. Corolla reddish, ca. 1.0-1.2 cm long, tube ca. 6 mm long, adaxial lip undivided, ca 2.8 mm; abaxial lip 3 lobed, ca. 6 mm. Stamens 2, adnate to corolla ca. 2 mm above base; filaments ca. 3 mm long; anthers ca. 2.5 mm long; staminodes 2, adnate to corolla ca. 2.5 mm above base, ca. 0.8-0.9 mm long. Stigma undivided, head. Capsule 2-3 cm.

Voucher specimens were collected on ridges of the Tamdao mountain in the boundary of two provinces: Thainguyen and Vinhphuc, and deposited in the Herbarium of the Institute of Ecology and biological Resources, Hanoi, Vietnam (HN).

Ngày nhận bài: 16-10-2007